

V/v: Ly hôn

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Xuân Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Có mắt.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Đức Đ, xã Vạn L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2017, bản tự khai ngày 15/6/2017, biên bản hòa giải ngày 10/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Trọng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Văn Thị Bảo Y tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn B, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Giấy chứng nhận kết hôn số 14 cấp ngày 18/3/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Y ghen tuông, không tin tưởng, tôn trọng anh T nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã, đánh đập nhau. Từ đó đến nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau thì chị Y còn có những mối quan hệ trên mức bạn bè với người đàn ông khác. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Trương Thị Bảo N - sinh ngày 16/9/2014. Khi ly hôn anh T yêu cầu giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định giữa vợ chồng không có nợ chung.

* Tại Biên bản lấy lời khai 03/7/2017, biên bản hòa giải ngày 10/7/2017 và tại phiên tòa bị đơn chị Văn Thị Bảo Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y cũng khai thống nhất như lời khai của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn. Chị Y xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc cho đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp và do anh T có những mối quan hệ trên mức bạn bè với người phụ nữ khác, chị Y nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe nên giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đánh đập, xúc phạm nhau. Từ tháng 03/2016 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống không ai quan tâm gì đến ai. Mặc dù giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng chị Y xác định vẫn còn yêu thương anh T, chị mong muốn vợ chồng trở lại chung sống đoàn tụ, chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Y yêu cầu nếu trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trương Thị Bảo N - sinh ngày 16/9/2014 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1000.000 đồng/tháng (một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Y xác định vợ chồng không nợ ai.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Trọng T và chị Văn Thị Bảo Y kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vạn B, huyện N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 18/3/2013. Nên quan hệ

hôn nhân giữa anh Trương Trọng T và chị Văn Thị Bảo Y được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Y. Xét lời khai của anh T thì thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị Y có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 03/2016 đến nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Như vậy mâu thuẫn giữa anh T và chị Y đã đến hồi trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Y yêu cầu được đoàn tụ không được anh T đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Y. Việc anh Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của anh T.

- Về con chung: Anh T và chị Y đều yêu cầu nếu trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trương Thị Bảo N - sinh ngày 16/9/2014 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét: Hiện nay con chung Trương Thị Bảo N - sinh ngày 16/9/2014 đang còn nhỏ, cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của anh T và chị Y về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì thấy nên giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Thị Bảo N - sinh ngày 16/9/2014 là có căn cứ và đúng luật.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị Y thống nhất anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng). Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tiên là ngày 10/8/2017 và cấp dưỡng liên tục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Anh Trương Trọng T và chị Văn Thị Bảo Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Trương Trọng T và chị Văn Thị Bảo Y xác nhận vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

- Về án phí: Anh Trương Trọng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Anh Trương Trọng T được ly hôn với chị Văn Thị Bảo Y.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Trọng T và chị Văn Thị Bảo Y về việc giao cho chị Văn Thị Bảo Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Thị Bảo N - sinh ngày 16/9/2014 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Trương Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung 1000.000 đồng/tháng (một triệu đồng). Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tiên là ngày 10/8/2017 và cấp dưỡng liên tục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh Trương Trọng T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T, chị Y đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Trương Trọng T và chị Văn Thị Bảo Y đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trương Trọng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng hai khoản là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013619 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh T phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện N ;
- Chi cục THA huyện N;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- UBND xã Vạn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hòa Thanh

